Chi tiết mã HS 5403.33.10

Mã HS	5403.33.10
Mô tả hàng hóa	Sợi filament tái tạo (trừ chỉ khâu), chưa đóng gói để bán lẻ, kể cả sợi monofilament tái tạo có độ mảnh dưới 67 decitex / - Sợi khác, đơn: / - - Từ xenlulo axetat: / - - - Sợi dún
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 18:11:28
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/54033310/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K8359
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N8359
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q8359
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7970
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7924
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7924
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7924
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7924
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7924
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7924
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7974
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7974

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7974
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7974
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7974
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7974
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7975
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7975
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7975
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7975
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7975
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7975
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7976
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7930
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7937
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7937
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7937
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7937
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7937
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7937
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7959
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7959
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7959
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7959
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7959
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7959
VCFTA	2022	2022	0	VC!D8006
VCFTA	2023	2023	0	VC!E8006

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F8006
VCFTA	2025	2025	0	VC!G8006
VCFTA	2026	2026	0	VC!H8006
VCFTA	2027	2027	0	VC!I8006
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7986
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7986
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7986
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7986
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7986
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7986
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7999
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7999
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7999
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7999
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7999
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7999
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D8003
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E8003
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F8003
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G8003
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H8003
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I8003
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D8003
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E8003
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F8003
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G8003

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H8003
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I8003
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7954
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7954
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7954
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7954
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7954
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7954
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7954
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7991
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7991
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7991
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7991
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7991
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7991
RCEP B	2022	2022	0	B!D7991
RCEP B	2023	2023	0	B!E7991
RCEP B	2024	2024	0	B!F7991
RCEP B	2025	2025	0	B!G7991
RCEP B	2026	2026	0	B!H7991
RCEP B	2027	2027	0	B!I7991
RCEP C	2022	2022	0	C!D7991
RCEP C	2023	2023	0	C!E7991
RCEP C	2024	2024	0	C!F7991
RCEP C	2025	2025	0	C!G7991
RCEP C	2026	2026	0	C!H7991

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I7991
RCEP D	2022	2022	0	D!D7991
RCEP D	2023	2023	0	D!E7991
RCEP D	2024	2024	0	D!F7991
RCEP D	2025	2025	0	D!G7991
RCEP D	2026	2026	0	D!H7991
RCEP D	2027	2027	0	D!I7991
RCEP E	2022	2022	0	E!D7994
RCEP E	2023	2023	0	E!E7994
RCEP E	2024	2024	0	E!F7994
RCEP E	2025	2025	0	E!G7994
RCEP E	2026	2026	0	E!H7994
RCEP E	2027	2027	0	E!I7994
RCEP F	2022	2022	0	F!D7991
RCEP F	2023	2023	0	F!E7991
RCEP F	2024	2024	0	F!F7991
RCEP F	2025	2025	0	F!G7991
RCEP F	2026	2026	0	F!H7991
RCEP F	2027	2027	0	F!I7991
VIFTA	2024	2024	0	VI!F7378
VIFTA	2025	2025	0	VI!G7378
VIFTA	2026	2026	0	VI!H7378
VIFTA	2027	2027	0	VI!I7378

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 5403.33 có 2 dòng thuế; dòng 5403.33.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Sợi dún.	5403.33.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5403.33.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 5403.33.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N8359), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.